

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ BA PHONG**

2. Ngày tháng năm sinh: 13/12/1978 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 17, gác 2/72, tổ 2 Đức Diển, phường Phúc Diển, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Lê Ba Phong, số nhà 17, gác 2/72, tổ 2 Đức Diển, phường Phúc Diển, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại di động: 0988709386; E-mail: lebaphong.vn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 12 năm 2002 đến nay: Giảng viên cơ hữu trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 298 đường Cầu Diển, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 243 765 5121.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 07 năm 2000; số văn bằng: 0250805; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thương Mại Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 03 năm 2005; số văn bằng: 019678; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Thương Mại Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 06 năm 2018; số văn bằng: 1053222018100201; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Hồ Nam, Trung Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu của tôi trong nhiều năm qua tập trung vào: *Hành vi tổ chức, quản trị tri thức và quản trị đổi mới*. Các nghiên cứu của tôi vận dụng các lý thuyết về hành vi tổ chức và các lý thuyết nền tảng như lý thuyết quản trị dựa trên nguồn lực RBV (*Resource-based view*), lý thuyết quản trị vào tri thức KBV (*Knowledge-based view*), và quản trị đổi mới để phân tích, giải thích các nhân tố chiến lược có tác động tích cực đến khả năng quản trị tri thức, hoạt động chia sẻ tri thức, khả năng đổi mới sáng tạo, và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam.

Những định hướng nghiên cứu này được thể hiện với 43 công trình nghiên cứu khoa học, được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Trong số đó, có 20 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín thuộc danh mục ISI và 03 bài báo thuộc danh mục Scopus như: *Journal of Knowledge Management* (England – SSCI journal); *Knowledge Management Research & Practice* (England – SSCI journal); *European Journal of Innovation Management* (England – SSCI journal); *Chinese Management Studies* (England – SSCI journal); *Jornal of Business and Industrial Marketing*

(England – SSCI journal); *Social Behavior and Personality: An International Journal* (New Zealand – SSCI journal). Các hướng nghiên cứu cụ thể gồm:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Hành vi tổ chức và quản trị tri thức

Đây là hướng nghiên cứu chủ đạo và xuyên suốt của tôi kể từ khi tốt nghiệp thạc sĩ cho tới nay. Hướng nghiên cứu về hành vi tổ chức và quản trị tri thức được thể hiện và đề cập tương đối toàn diện trong Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực hành vi tổ chức và quản trị tri thức với tiêu đề: *Research on the relationship between Transformational leadership and knowledge sharing: The mediating roles of trust and justice*. Luận án tiến sĩ được thực hiện trong thời gian 4 năm tại trường Đại học Hồ Nam, Trung Quốc. Trong công trình này, tôi đã vận dụng các lý thuyết về hành vi tổ chức, lý thuyết về lãnh đạo và lãnh đạo chuyển đổi, lý thuyết trao đổi xã hội (social exchange theory), lý thuyết về quản trị tri thức và khung nghiên cứu lý thuyết của Wang and Noe (2010) về chia sẻ tri thức, để phân tích và minh chứng cho ảnh hưởng quan trọng của lãnh đạo chuyển đổi và các nhân tố cá nhân đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên. Đóng góp quan trọng của luận án về mặt lý thuyết là xây dựng được một khung lý thuyết toàn diện trên cơ sở tích hợp lý thuyết về lãnh đạo, lý thuyết về trao đổi xã hội, và lý thuyết về quản trị tri thức để chỉ ra tầm quan trọng, cơ chế trung gian của niềm tin và sự công bằng trong tổ chức trong mối quan hệ giữa lãnh đạo chuyển đổi và hành vi sẵn sàng chia sẻ tri thức của nhân viên trong tổ chức. Về mặt thực tiễn, luận án đã đưa ra hàm ý cho lãnh đạo các doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc về (1) cách thức thực hành phong cách lãnh đạo chuyển đổi, (2) sự cần thiết phải tạo dựng được niềm tin của nhân viên, và (3) lợi ích của việc xây dựng các quy trình, thủ tục, và có những đánh giá công bằng khách quan đối với hành vi sẵn sàng chia sẻ tri thức của nhân viên.

Kết quả nghiên cứu theo định hướng này đã được công bố trên nhiều *tạp chí đầu ngành về quản trị tri thức*, thuộc danh mục ISI trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ (05 bài báo). Đồng thời, ngay cả khi hoàn thành luận án tiến sĩ trở về nước làm việc đến nay tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu sâu hơn theo định hướng nghiên cứu này trên cơ sở tích hợp với các lý thuyết về văn hóa tổ chức, vốn tâm lý của nhân viên, và khả năng đổi mới của tổ chức. Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu theo định hướng nghiên cứu này bao gồm:

+ How Transformational Leadership Supports Knowledge Sharing: Evidence from Chinese Manufacturing and Service Firm, *Chinese Management Studies* (2017), Tập 11, số 3, trang: 479-487 (*tạp chí ISI, Q2, IF: 1.676*).

+ The mediating role of trust in stimulating the relationship between transformational leadership and knowledge sharing processes, *Journal of Knowledge Management* (2018), Tập 22, số 3, trang: 521-527 (*tạp chí ISI, Q1, IF: 8.182*).

+ Self-Efficacy and Optimism Mediate the Relationship Between Transformational Leadership and Knowledge Sharing, *Social and behavior personality: An international journal* (2018), Tập 46, số 11, trang: 1833-1846 (*tạp chí ISI, Q3, IF: 0.676*).

+ Fostering knowledge sharing behaviours through ethical leadership practice: the mediating roles of disclosure-based trust and reliance-based trust in leadership, *Knowledge Management Research & Practice* (2018), Tập 16, số 2, trang: 183-195 (*tạp chí ISI, Q1, IF: 2.744*).

+ Arousing a positive climate for knowledge sharing through moral lens: the mediating roles of knowledge-centered and collaborative culture, *Journal of Knowledge Management* (2019), Tập 23, số 8, trang: 1586-1604 (*tạp chí ISI, Q1, IF: 8.182*).

+ The link between transformational leadership and knowledge sharing: mediating role of distributive, procedural and interactional justice, *Journal of Information & Knowledge Management* (2020), Tập 19, số 3, trang: 1-19 (*tạp chí Scopus, Q3, IF: 1.5*).

+ Tăng cường khả năng đổi mới thanh đậm cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyên đổi và khả năng quản trị tri thức của doanh nghiệp (2021), *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Tập 286, số 4, trang: 68-77.

+ Tác động của văn hóa hợp tác và chia sẻ tri thức đến lợi thế cạnh tranh của các khách sạn vừa và nhỏ Việt Nam (2021), *Tạp chí Khoa học và Công Nghệ*, Tập 57, số 3, trang: 166-172.

- Hướng nghiên cứu thứ 2: Quản trị đổi mới

Khả năng quản trị tri thức cùng với các quá trình thu thập, chia sẻ và ứng dụng tri thức có mối liên hệ mật thiết với các kết quả đầu ra của tổ chức như: Hiệu suất, khả năng đổi mới sáng tạo và lợi thế cạnh tranh. Do đó tôi đã tiếp tục nghiên cứu sâu, rộng hơn và phát triển hướng nghiên cứu về quản trị tri thức trong mối quan hệ với khả năng đổi mới sáng tạo của các tổ chức/doanh nghiệp.

Đổi mới sáng tạo là chủ đề nghiên cứu có tính thời sự và thu hút được sự quan tâm nghiên cứu ngày càng tăng của các nhà khoa học ở Việt Nam và trên thế giới. Khả năng đổi mới chính là chìa khóa giúp tạo ra lợi thế cạnh tranh và mang đến sự phát triển bền vững cho các doanh nghiệp nói chung và cho các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng.

Đây là định hướng nghiên cứu chủ đạo mà tôi tập trung theo đuổi trong những năm gần đây kể từ sau khi hoàn thành luận án tiến sĩ. Đổi mới có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn và trở ngại nhất định trong việc xác định con đường đúng đắn để nâng cao khả năng đổi mới sáng tạo. Do đó, để nâng cao khả năng đổi mới sáng tạo, giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng thích ứng và phản ứng nhanh chóng trước những thay đổi từ môi trường, tôi tập trung tìm hiểu, phân tích và xác định các nhân tố có ảnh hưởng quyết định đến khả năng đổi mới sáng tạo của các tổ chức và các doanh nghiệp Việt Nam như: lãnh đạo chuyên đổi, lãnh đạo đạo đức, văn hóa hợp tác, văn hóa định hướng tri thức, khả năng quản trị tri thức, và công tác quản trị nhân lực trong tổ chức.

Kết quả nghiên cứu theo định hướng này đã được tôi (chủ nhiệm đề tài) và các cộng sự hiện thực hóa với đề tài quốc gia: “*Tăng cường khả năng đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyên đổi, lãnh đạo đạo đức và quản trị tri thức*”, mã số: 502-02-2019-300 do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ. Đề tài được thực hiện từ tháng 3/2020 cho đến nay và đang trong giai đoạn nghiệm thu. Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu theo định hướng này đã được công bố trên các tạp chí quốc gia và quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI như:

+ Determinants of innovation capability: the roles of transformational leadership, knowledge sharing and perceived organizational support, *Journal of Knowledge Management* (2019), Tập 23, số 3, trang: 527-547 (**tạp chí ISI, Q1, IF: 8.182**).

+ How ethical leadership cultivates radical and incremental innovation: the mediating role of tacit and explicit knowledge sharing, *Journal of Business & Industrial Marketing* (2019), Tập 35, số 5, trang: 849-862 (**tạp chí ISI, Q1, IF: 3.462**).

+ Developing a collaborative culture for radical and incremental innovation: the mediating roles of tacit and explicit knowledge sharing, *Chinese Management Studies* (2020), Tập 14, số 4, trang: 957-975 (**tạp chí ISI, Q2, IF: 1.676**).

+ How transformational leadership facilitates radical and incremental innovation: the mediating role of individual psychological capital, *Asia-Pacific Journal of Business Administration* (2020), Tập 12, số 3, trang: 205-222, (**tạp chí Scopus, Q2, IF: 2.2**).

+ Fostering exploitative and exploratory innovation through HRM practices and knowledge management capability: the moderating effect of knowledge-centered culture, *Journal of Knowledge Management* (2021) (**tạp chí ISI, Q1, IF: 8.182**).

+ Giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học hiện nay (2019), **Tạp chí Khoa học và Công Nghệ**, Tập 55, số 6, trang 126-132.

+ Ảnh hưởng của quản trị nhân lực và thực hành lãnh đạo đến khả năng quản trị tri thức và đổi mới của các doanh nghiệp Việt Nam, Hội thảo Khoa học Quốc gia: Chuyên đề số và Quản trị Nhân lực (2021), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-324-861-6.

+ Tăng cường khả năng đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam: Tác động điều tiết của văn hóa hợp tác và vai trò trung gian của năng lực quản trị tri thức (2021), **Tạp chí Khoa học Thương Mại**, Tập 153, số 5, trang: 96-104.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; đang hướng dẫn **03** HVCH

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Chủ trì **01** nhánh đề tài NCKH cấp Nhà nước (tương đương đề tài cấp bộ, đã nghiệm thu);

+ Thư ký **01** đề tài NCKH cấp cơ sở (đã nghiệm thu).

+ Chủ nhiệm **01** đề tài NCKH cấp Quốc gia do Quỹ Nafosted tài trợ (đang chuẩn bị nghiệm thu);

+ Chủ nhiệm **01** đề tài NCKH cấp cơ sở (đang thực thực hiện);

+ Tham gia là thành viên thực hiện **01** đề tài NCKH cấp cơ sở (đang thực thực hiện).

- Đã công bố (số lượng) **43** bài báo khoa học, trong đó: **20** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI và **03** bài báo thuộc danh mục Scopus. Cụ thể như sau:

STT	Loại tạp chí	Số bài báo khoa học trên các tạp chí có uy tín (ISI/Scopus)	Số bài báo mà ứng viên là tác giả số 1 hoặc/và người chịu trách nhiệm	Ghi chú
<i>Trước khi được công nhận TS</i>				
1	ISI (SSCI, SCIE)	5	5	
2	Scopus	-	-	
<i>Sau khi được công nhận TS</i>				
1	ISI (SSCI, SCIE)	15	13	
2	Scopus	3	3	
Tổng số		23	21	

- Đã được cấp (số lượng) ... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: Chủ biên **01 cuốn** giáo trình *Hành vi Tổ chức* do NXB Giao thông Vận tải phát hành tháng 9/2020 và **01 cuốn** sách chuyên khảo (thành viên).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định tại Điều 67 và luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại điều 69, Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019, cụ thể:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi luôn tự ý thức và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ của nhà giáo, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

- Luôn giữ gìn phẩm chất, tác phong, uy tín, danh dự của nhà giáo, tích cực hợp tác và học hỏi đồng nghiệp, tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền

và lợi ích chính đáng của người học, luôn nêu gương tốt cho các thế hệ sinh viên, được nhiều lớp sinh viên kính trọng và yêu mến. Bên cạnh đó, tôi không ngừng tự học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, và các kỹ năng cần thiết cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đóng góp có hiệu quả vào đổi mới hoạt động đào tạo của Nhà trường cũng như của bản thân, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục của Ngành và sự nghiệp đổi mới kinh tế của đất nước.

- Là giảng viên của Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội từ tháng 12/2002 đến nay, tôi luôn thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, chuyên sâu về hành vi tổ chức, quản trị tri thức, và quản trị đổi mới sáng tạo. Tôi luôn nỗ lực để hoàn thành tốt công việc giảng dạy các hệ: chính qui, tại chức, văn bằng 2, tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, viết các bài báo khoa học trong nước và quốc tế. Đặc biệt, kể từ khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ sau 4 năm học tập tại trường Đại học Hồ Nam, Trung Quốc theo chính sách học bổng toàn phần, tôi đã tích cực chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và phương pháp nghiên cứu khoa học, góp phần tạo dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát triển tốt nhất năng lực nghiên cứu của bản thân và đồng nghiệp, từ đó, có những đóng góp nhất định vào hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung của Bộ môn, Khoa và Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội. Tôi luôn tham gia tích cực trong công tác đào tạo: xây dựng chương trình, đề cương bài giảng, biên soạn giáo trình và trực tiếp giảng dạy các môn học như: Hành vi tổ chức, Quản trị chiến lược, Đào tạo và phát triển nhân lực, Quản trị kinh doanh khách sạn.... Ngoài ra tôi cũng tham gia giảng dạy chuyên môn bằng tiếng anh cho các chương trình đào tạo cử nhân, tham gia giảng dạy các lớp cao học, tích cực tham gia phản biện luận văn cao học, luận án tiến sĩ cho các học viên trường Đại học Công Nghiệp và một số trường Đại học khác như: Đại học Hải Dương, Đại học Điện lực, Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Đối với công tác nghiên cứu khoa học, tôi không ngừng nỗ lực nghiên cứu khoa học, tích cực tham dự các hội thảo khoa học từ cấp Khoa tới cấp Quốc tế để có thể giao lưu, trao đổi và học hỏi kiến thức, kinh nghiệm từ các giảng viên, học giả trong và ngoài nước. Tôi luôn cố gắng gắn kết kết quả và phương pháp nghiên cứu khoa học vào phục vụ cho công tác giảng dạy và đào tạo sinh viên và cao học viên... kết quả của những nỗ lực này đã giúp tôi có cơ hội và công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, trong đó có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành được xếp hạng trong cơ sở dữ liệu ISI/Scopus và luôn vượt định mức chỉ tiêu về số giờ nghiên cứu khoa học của Trường.

Đánh giá chung: Trong quá trình công tác gần 20 năm tại trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội, tôi luôn nỗ lực không ngừng cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đảm bảo tốt các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 11 năm (Không kể thời gian học tiến sĩ ở nước ngoài).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2011-2012				13	630		630/795/280
2	2012-2013				15	525		525/769/280
3	2013-2014				10	510		510/645/280
03 năm học cuối								
4	2018-2019			0	10	435		435/613/270
5	2019-2020			5	9	465	30	495/728/270
6	2020-2021			4	4	420		420/505/350

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Trung Quốc năm 2018 (**Viết và bảo vệ luận án TS bằng tiếng Anh**).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Trịnh Thị Quỳnh Anh		HVCH	✓		2019-2020	Trường ĐH Công nghiệp HN	30/11/2020
2.	Đoàn Thùy Dương		HVCH	✓		2019-2020	Trường ĐH Công nghiệp HN	30/11/2020
3.	Phạm Văn Chung		HVCH	✓		2019-2020	Trường ĐH Hải Dương	31/12/2020
4.	Vũ Thị Miện		HVCH	✓		2019-2020	Trường ĐH Hải Dương	31/12/2020
5.	Vũ Tiến Dương		HVCH	✓		2019-2020	Trường ĐH Hải Dương	31/12/2020
6.	Trần Xuân Tuân		HVCH	✓		2020-2021	Trường ĐH Công nghiệp HN	Đã bảo vệ thành công tháng 5/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình Hành vi tổ chức	GT	NXB Giao Thông Vận Tải – 2020 ISBN: 978-604-76-2229-0	4	Chủ biên	Biên soạn từ trang 9-80	Xác nhận của trường ĐHCNHN sử dụng trong đào tạo đại học
2	Đánh giá tác động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội	CK	NXB Lao động ISBN: 978-604-325-844-8	4	Đồng tác giả	Biên soạn từ trang 70-117	Xác nhận của trường ĐHCNHN sử dụng trong đào tạo sau đại học

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Các Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của tổ chức trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ	CN	Mã số: TTKHCN.ĐT.01-20 Chủ trì/Trưởng nhóm đề tài Cấp nhà nước	2020-2021	25/12/2020 Kết quả: Tốt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của tinh thần doanh nhân, cấu trúc vốn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội.	TK	Mã số: 03-2019-RD/HĐ-ĐHCN Cấp trường Đại học Công Nghiệp	2019-2020	02/10/2020 Kết quả: Khá
3	Tăng cường khả năng đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyên đổi, lãnh đạo đạo đức và quản trị tri thức.	CN	Mã số: 502-02-2019-300 Cấp Quốc Gia	2020-2022	Đang chuẩn bị nghiệm thu
4	Tác động của lãnh đạo và văn hóa tổ chức đến khả năng đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trong lĩnh vực du lịch: Vai trò trung gian của chia sẻ tri thức.	CN	Mã số: 49-2021-RD/HĐ-ĐHCN Cấp Trường	2021-2022	Đang thực hiện
5	Định hướng và giải pháp đảm bảo gắn kết nhà trường với doanh nghiệp: Nghiên cứu điển hình trong đào tạo các ngành du lịch tại trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội.	Thành viên	Mã số: 50-2021-RD/HĐ-ĐHCN Cấp Trường	2021-2022	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: 20 bài báo ISI, 3 bài báo Scopus, và 20 bài báo trên các tạp chí, hội thảo quốc gia, quốc tế khác. Cụ thể:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	How Collaborative Culture Supports for Competitive Advantage: The Mediating Role of Organizational Learning	3		International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	7	Tập 8, số 2, trang: 73-85	2/2017
2	Developing creative culture and capable champions: An empirical study from Chinese firms	3	✓	Hội thảo Quốc tế về: Phát triển năng lực sáng tạo và cơ hội cho các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp ISBN: 978-604-62-8736-0	NXB Đại học Quốc Gia	0	Trang: 562-574	7/2017
3	How Transformational Leadership Supports Knowledge Sharing: Evidence from Chinese Manufacturing and Service Firm	2	✓	Chinese Management Studies ISSN: 1750-614X	ISI (1.676, Q2)	40	Tập 11, số 3, trang: 479-487	8/2017
4	The mediating role of trust in stimulating the relationship between transformational leadership and knowledge sharing processes	2	✓	Journal of Knowledge Management ISSN: 1367-3270	ISI (8.182, Q1)	93	Tập 22, số 3, trang: 521-527	2/2018
5	The effects of innovation speed and quality on differentiation and low-cost competitive advantage: The case of Chinese firms	2	✓	Chinese Management Studies ISSN: 1750-614X	ISI (1.676, Q2)	12	Tập 12, số 2, trang: 305-322	2/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Fostering knowledge sharing behaviours through ethical leadership practice: the mediating roles of disclosure-based trust and reliance-based trust in leadership	2	✓	Knowledge Management Research & Practice ISSN: 1477-8246	ISI (2.744, Q1)	19	Tập 16, số 2, trang: 183-195	3/2018
7	Transformational Leadership Facilitates Innovation Capability: The Mediating Roles of Interpersonal Trust	3	✓	International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	8	Tập 9, số 3, trang: 1-9	4/2018
8	The mediating role of knowledge sharing in linking transformational leadership and innovation capability of SMEs: insights from Vietnam	3	✓	Hội thảo quốc tế IBSM lần thứ 5 về Kinh doanh, Quản lý và Kế toán ISBN: 978-602-72911-6-4	CAAI, International Education Organizer Training and Consulting	0	Trang: 791-799	4/2018
9	How Leadership and Trust in Leaders Foster Employees' Behavior Toward Knowledge Sharing	3	✓	Social and behavior personality: An international journal ISSN: 1179-6391	ISI (0.676, Q3)	55	Tập 46, số 5, trang: 705-720	5/2018
II	Sau khi được công nhận TS							
10	Antecedents of Innovation Capability: The Role of Transformational Leadership and Organizational Learning	3		International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	3	Tập 9, số 5, trang: 1-10	8/2018
11	Knowledge sharing serves as a mediator between collaborative culture and innovation capability: an empirical research	3		Journal of Business & Industrial Marketing ISSN: 0885-8624	ISI (3.462, Q1)	55	Tập 33, số 7, trang: 958-969	10/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
12	How to foster innovative culture and capable champions for Chinese firms: An empirical research	3	✓	Chinese Management Studies ISSN: 1750-614X	ISI (1.676, Q2)	5	Tập 13, số 1, trang: 51-69	10/2018
13	Self-Efficacy and Optimism Mediate the Relationship Between Transformational Leadership and Knowledge Sharing	6	✓	Social and behavior personality: An international journal ISSN: 1179-6391	ISI (0.676, Q3)	25	Tập 46, số 11, trang: 1833-1846	12/2018
14	Leadership and Organizational Learning: The Determinants of Innovation Speed and Innovation Quality in Vietnamese Firms	3	✓	Journal of Management and Strategy ISSN: 1923-3973	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	2	Tập 10, số 1, trang: 29-37	12/2018
15	Determinants of innovation capability: the roles of transformational leadership, knowledge sharing and perceived organizational support	2	✓	Journal of Knowledge Management ISSN: 1367-3270	ISI (8.182, Q1)	105	Tập 23, số 3, trang: 527-547	1/2019
16	Creating Competitive Advantage for Vietnamese Manufacturing and Service Firms: The Role of Collaborative Culture and Innovation Capability	3	✓	International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	2	Tập 10, số 2, trang: 32-42	1/2019
17	The role of cognitive proximity on supply chain collaboration for radical and incremental innovation a study of a transition economy	4		Journal of Business & Industrial Marketing ISSN: 0885-8624	ISI (3.462, Q1)	9	Tập 34, số 3, trang: 591-604	4/2019
18	Building Competitive Advantage for Vietnamese Firms: The Roles of Knowledge Sharing and Innovation	3	✓	International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	5	Tập 10, số 4, trang: 1-12	5/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	How knowledge sharing connects interpersonal trust and innovation capability: The moderating effect of leadership support	3	✓	Chinese Management Studies ISSN: 1750-614X	ISI (1.676, Q2)	11	Tập 13, số 2, trang: 276-298	6/2019
20	The Pathway to Improve Innovation Capacity for Lao Firms: The Roles of Transformational Leadership and Psychological Resources of Employees	3	✓	International Journal of Business and Administrative Studies ISSN: 2414-3081	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Tây Ban Nha	3	Tập 5, số 4, trang: 224-239	8/2019
21	How ethical leadership cultivates radical and incremental innovation: the mediating role of tacit and explicit knowledge sharing	3	✓	Journal of Business & Industrial Marketing ISSN: 0885-8624	ISI (3.462, Q1)	9	Tập 35, số 5, trang: 849-862	12/2019
22	Arousing a positive climate for knowledge sharing through moral lens: the mediating roles of knowledge-centered and collaborative culture	3	✓	Journal of Knowledge Management ISSN: 1367-3270	ISI (8.182, Q1)	11	Tập 23, số 8, trang: 1586-1604	12/2019
23	Lãnh đạo Chuyển đổi và Tổ chức học tập: Những tiền đề quan trọng để nâng cao khả năng đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam	2	✓	Hội Thảo Quốc Gia - Cách mạng công nghiệp lần thứ 4: Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp Việt nam ISBN: 978- 604-65-4721-1	NXB Lao động - Xã hội	0	Trang: 380-398	12/2019
24	Giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh xây dựng các “đại học khởi nghiệp”	2	✓	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ ISSN: 1859-3585	Tạp chí Quốc gia uy tín (0.5 điểm)	0	Tập 55, số 6, trang 126-132	12/2019
25	Leadership Practice for Building Trust of Followers: Decisive Factors of Organizational Performance	2	✓	SEISENSE Journal of Management ISSN: 2617-5770	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Pakistan	2	Tập 10, số 1, trang: 29-37	3/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Developing a collaborative culture for radical and incremental innovation: the mediating roles of tacit and explicit knowledge sharing	5	✓	Chinese Management Studies ISSN: 1750-614X	ISI (1.676, Q2)	8	Tập 14, số 4, trang: 957-975	4/2020
27	Transformational Leadership and Knowledge Sharing: Determinants of Firm's Operational and Financial Performance	3	✓	Sage Open ISSN: 2158-2440	ISI (1.356, Q2)	5	Tập 10, số 2, trang: 1-13	5/2020
28	How transformational leadership facilitates radical and incremental innovation: the mediating role of individual psychological capital	1	✓	Asia-Pacific Journal of Business Administration ISSN: 1757-4323	Scopus (2.2, Q2)	5	Tập 12, số 3, trang: 205-222	9/2020
29	The link between transformational leadership and knowledge sharing: mediating role of distributive, procedural and interactional justice	2	✓	Journal of Information & Knowledge Management ISSN: 1793-6926	Scopus (1.5, Q3)	2	Tập 19, số 3, trang: 1-19	10/2020
30	How transformational leadership facilitates innovation capability: the mediating role of employees' psychological capital	3	✓	Leadership & Organization Development Journal ISSN: 0143-7739	ISI (3.242, Q1)	12	Tập 23, số 3, trang: 527-547	10/2020
31	Tác động của giáo dục khởi nghiệp và nhân tố bối cảnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	1	✓	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ ISSN: 1859-3585	Tạp chí Quốc gia uy tín (0.5 điểm)	0	Tập 56, số 6, trang: 157-162	12/2020
32	Linking transformational leadership and frugal innovation: the mediating role of tacit and explicit knowledge sharing	3	✓	Journal of Knowledge Management ISSN: 1367-3270	ISI (8.182, Q1)	4	https://doi.org/10.1108/JKM-04-2020-0247	1/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Fostering exploitative and exploratory innovation through HRM practices and knowledge management capability: the moderating effect of knowledge-centered culture	3	✓	Journal of Knowledge Management ISSN: 1367-3270	ISI (8.182, Q1)	1	https://doi.org/10.1108/JKM-04-2020-0247	2/2021
34	What Are the Sources of Organizational Change Capability? The Role of Transformational Leadership and Organizational Justice	2	✓	International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	0	Tập 12, số 2, trang: 76-87	3/2021
35	Improving the Innovation Performance for Vietnamese Firm Based on Practices of Idealized Influence and Individualized Consideration: The Mediating Role of Knowledge Sharing	2	✓	International Journal of Business Administration ISSN: 1923-4015	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Canada	0	Tập 12, số 3, trang: 75-85	4/2021
36	Tăng cường khả năng đổi mới thanh đạm cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyển đổi và khả năng quản trị tri thức của doanh nghiệp	1	✓	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012	Tạp chí Quốc gia uy tín (1 điểm)	0	Tập 286, số 4, trang: 68-77	4/2021
37	Tăng cường khả năng đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam: Tác động điều tiết của văn hóa hợp tác và vai trò trung gian của năng lực quản trị tri thức	1	✓	Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN: 1859-3666	Tạp chí Quốc gia uy tín (1 điểm)	0	Tập 153, số 5, trang: 96-104	5/2021
38	The impacts of high-commitment HRM practices on exploitative and exploratory innovation: the mediating role of knowledge sharing	3	✓	VINE Journal of Information and Knowledge Management Systems ISSN: 2059-5891	Scopus (3.6, Q2)	1	https://doi.org/10.1108/VJIK-MS-10-2020-0196	5/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
39	Determinants of radical and incremental innovation: the influence of transformational leadership, knowledge sharing and knowledge-centered culture	3	✓	European Journal of Innovation Management ISSN: 1460-1060	ISI (4.691, Q2)	0	https://doi.org/10.1108/EJIM-12-2020-0478	5/2021
40	Ảnh hưởng của quản trị nhân lực và thực hành lãnh đạo đến khả năng quản trị tri thức và đổi mới của các doanh nghiệp Việt Nam	1	✓	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Chuyển đổi số và Quản trị Nhân lực ISBN: 978-604-324-861-6	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	0	Trang: 198 - 215	5/2021
41	Influence of transformational leadership and knowledge management on radical and incremental innovation: the moderating role of collaborative culture	3	✓	Kybernetes ISSN: 0368-492X	ISI (1.754, Q2)	0	https://doi.org/10.1108/K-12-2020-0905	6/2021
42	Tác động của văn hóa hợp tác và chia sẻ tri thức đến lợi thế cạnh tranh của các khách sạn vừa và nhỏ Việt Nam	2	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ISSN: 1859-3585	Tạp chí Quốc gia uy tín (0.5 điểm)	0	Tập 57, số 3, trang: 166-172	6/2021
43	Influences of Organizational Factors on Organizational Capability for Innovation: An empirical Study from Vietnamese Firms	2	✓	Journal of International Business and Management ISSN: 2616-5163	Tạp chí Khoa học Quốc tế tại Anh	0	Tập 4, số 4, trang: 1-14	6/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

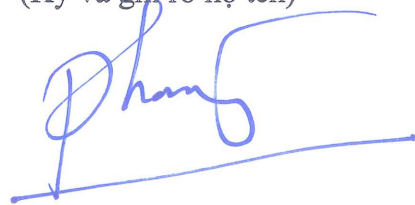
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Ba Phong